DIỄN ĐÀN "VẤN ĐỀ CHUẨN HÓA NGÔN NGỮ Ở VIỆT NAM"

LÍ THUYẾT VỀ CHUẨN NGÔN NGỮ VÀ VẤN ĐỀ CHUẨN CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

GS.TS BÙI KHÁNH THẾ

Abstract: Language standardization in general and spelling standardization in particular has always been an issue of special concern in Vietnam, especially after the decision "to use Vietnamese in all levels of the national education" was made. Within the debates on Vietnamese standardization, some topics have attracted much attention from researchers as no consensus in terms of their scientific basis and practical application has been reached.

The Constitution of the Socialist Republic of Vietnam issued in 2013 was a milestone in the development of the Vietnamese language. For the first time Vietnamese language was legally recognized "the national language" in Article 5, section 3... It is time to think about a language law for the national language. In that legislation, spelling problems of the national language will have a proper place. This article is a contribution to the debate on the language policy in Vietnam.

Keywords: *Language standardization, orthographic standardization*

1. Nhóm từ thường được dùng khi nói về tình trạng không thống nhất hiện nay trong nhiều bài viết của học sinh, sinh viên, trên các văn bản kể cả văn bản báo chí truyền thống là "lỗi chính tả", cách viết "không chuẩn về chính tả". Điều đó tất yếu đặt ra cho người nghiên cứu một câu hỏi: "Lỗi chính tả", "không chuẩn về chính tả" so sánh với *chuẩn nào về chính tả*, so sánh với *cách viết nào là không mắc lỗi chính tả*?

Chắc hẳn để góp phần giải đáp câu hỏi trên, một Hội thảo khoa học quốc gia do ba đơn vị đồng tổ chức đã diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh vào cuối tháng 12 năm 2012 về chủ đề "Xây dựng chuẩn mực chính tả thống nhất trong nhà trường và trên các phương tiện truyền thông đại chúng". Tuy ngẫu nhiên, nhưng thời điểm tổ chức và nội dung hội thảo này có ý nghĩa như một hoạt động kịp thời chào đón điều khoản liên quan đến tiếng Việt (Điều 25, khoản 3) lần đầu tiên được luật hóa và ghi nhận trong Hiến pháp 2013.

Như lời vọng đáp (echo) từ các sự kiện trên, người viết bài này góp tiếng nói vào mấy vấn đề sau đây:

- Lướt nhanh theo cách nhìn hồi quan về chữ quốc ngữ[1] trong mối liên hệ với các quy ước và một số thực trạng xung quanh cách ghi chữ quốc ngữ ở những mốc đáng nhớ.

- Đặt vấn đề chuẩn chính tả trong hệ thống chuẩn nói chung và chuẩn ngôn ngữ nói riêng.

- Về phương hướng giải quyết thực trạng cách viết thiếu sự thống nhất hiện nay trong chính tả chữ quốc ngữ.

2. Một cái nhìn hồi quan về chữ quốc ngữ và những mốc đáng nhớ

2.1. Không phải ngẫu nhiên mà trong một số bài viết về chữ quốc ngữ thường có nhận xét: đây là loại chữ viết ghi âm. Không phải ngẫu nhiên bởi lẽ các kí tự của chữ quốc ngữ vốn dẫn xuất từ chữ Latin ghi âm, từng được nhiều ngôn ngữ Ấn - Âu trong thời kì Phục hưng dùng để ghi tiếng nói bản địa của dân tộc mình. Và còn có một lẽ khác cụ thể hơn là những người đầu tiên góp phần vào sự sáng chế chữ quốc ngữ ở thế kỉ XVII như Francisco de Pina, Alexandre de Rhodes và những cộng tác viên của họ là người Việt cũng phải dựa vào cách phát âm lúc bấy giờ mới có thể làm cho hệ thống chữ cái Latin (Latin - based alphabetic letters) có thể thích nghi (adapt) với tiếng Việt. Thực trạng tiếng Việt lúc đó được dựa vào khi bắt đầu học tiếng nói và tiếp theo là miêu tả được F.de Pina ghi nhận: "Về vấn đề học ngôn ngữ thì luôn luôn ở Kẻ Chàm[2] chính là nơi tốt nhất. Đây là kinh đô của triều đình. Ở đây người ta nói hay. Nhiều người trẻ quy tụ về đây. Họ là sinh viên. Gần họ, những người mới bắt đầu học ngôn ngữ có thể được giúp đỡ" [8, 43][3]. Đáng chú ý là trong giai đoạn khảo cứu về hoàn cảnh ngôn ngữ học ở Việt Nam thế kỉ XVII, như R.Jacques cho biết: "Tiếng của người Kinh mà Pina và các đồng huynh nói tới là những phương ngữ rất gần nhau về ngữ âm cũng như về các thanh điệu và từ vựng. Các sai khác thực sự không cản trở việc hoàn toàn hiểu nhau giữa người ở đầu này với người ở đầu kia của đất nước... đến mức người ta dễ dàng nhận ra ở đây một tiếng nói duy nhất. Tính thống nhất của tiếng Việt là niềm tin nhất trí của các nhà truyền giáo. Họ đề cập đến tiếng Cochinchine hay tiếng Tonkin hoặc đến tiếng Tonkin hay tiếng An Nam và thận trọng xác định các chỉ định này bao gồm một thực thể duy nhất" [8, 48]. Trạng thái của tiếng Việt trung đại này được F.dePina ghi lại trong *Bước đầu học tiếng Tonkin* (*Manuductio ad linguam Tunckinensem*) và Roland Jacques, qua sự so sánh đối chiếu cẩn thận, cho rằng "các nền móng do thế hệ đầu đặt ra đủ vững chắc để cho những người kế tục trong tất cả các thời đại tiếp tục đặt những viên đá vào lâu đài chung: A.de Rhodes là nguyên mẫu và là người khởi xướng" [8, 224]. Điều nhận xét trong phần kết luận công trình (*Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ học* được chính Alexandre de Rhodes xác nhận một cách gián tiếp qua những dòng viết cùng độc giả đặt trước *Báo cáo vắn tắt về tiếng An Nam hay Đông Kinh* [8, 3] - phần dịch tiếng Việt). Thực trạng này là cột mốc thứ nhất đánh dấu thời kì khởi đầu chữ quốc ngữ, định hình trạng thái của tiếng Việt nửa đầu thế kỉ XVII. Có thể nói A.de Rhodes đã điển chế hóa (codify) những điều ông đã quan sát, ghi nhận, vốn là *kết quả của sự tiếp xúc và giao lưu ngôn ngữ, văn hóa* được thực hiện bởi nhiều người bao gồm cả F.de Pina cũng như

những nhà tiên phong Bồ Đào Nha khác cùng với các "đồng huynh" Việt lúc bấy giờ của họ (theo cách gọi của R.Jacques), và của chính A.de Rhodes giữa thế kỉ XVII dưới dạng ấn phẩm.

2.2. Dựa vào ấn phẩm điển chế hóa tiếng Việt và văn tự Latin hóa đó một số giáo phẩm, giáo hữu người Việt trong các cộng đồng Đạo Thiên Chúa từ giữa thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX dùng chữ quốc ngữ để ghi chép, tạo ra các văn bản với nhiều mục đích: thư từ, chú giải giáo lí, tạp kí (notes diverses), nhật kí hay hồi kí, v.v... Các tác giả tạo nên những văn bản này thường được các nhà nghiên cứu chữ quốc ngữ nhắc đến như Igesco Văn Tín (1659), Bento Thiện (1659) và đáng chú ý đặc biệt là Philiphê Bỉnh với *Sách sổ sang chép các việc* (1822). Hai tác giả của các văn bản có niên đại 1659 được Đỗ Quang Chính giới thiệu kĩ cả hai bức thư, nhất là tập *Lịch sử nước An Nam* do Bento Thiện viết tay, đồng thời kèm theo nguyên bản sao chép lại (Đỗ Quang Chính, 1972, Ch.4: tr.91-129 và nguyên bản tài liệu viết tay).

Sự nghiệp của tác giả Philiphê Bỉnh và *Sách sổ sang chép các việc* được Thanh Lãng giới thiệu rất chi tiết năm 1968 kèm theo phần sao chụp nguyên bản. Điều đáng quý là cách viết chữ quốc ngữ trong các văn bản của Philiphê Bỉnh cho ta thấy một số thay đổi về cách viết chữ quốc ngữ ở giai đoạn bản lề giữa thế kỉ XVII và đầu thế kỉ XIX, tức là sau khoảng 161 năm[4]. Dưới đây là một đoạn ở trang 1, bản sao chụp do Thanh Lãng trích ghi lại:

"*Tôi là Thầy cả Bỉnh làm ở kẻ chợ nước Portugal năm 1822, mà chép nhiều sự, cho nên gọi là Sách sổ sang, são chng có từng đoạn như các sách khác, bởi đấy thì tôi chia làm ba đoạn mục lục, cho dễ tìm, mà ai muốn xem việc nào, thì tìm mục lục thuộc về đoạn ấy. Mục lục đoạn thứ nhất nói nhg việc thuộc về Dão Đ.C.J. Mục lục đoạn thứ hai nói nhg sự thuộc về tôi cũ các bạn. Mục lục D thứ 3 chép các việc khác*".

Đọc tiếp một số trong 628 trang, thì thấy các chữ viết tắt có khá nhiều: *trc (trước), ng (người), rg (rằng), đc (được), th (thầy), th (thánh), chg (chẳng), nc (nước), ph (phép), ph (phải)*... Một số cách ghi khác nhau âm cuối gốc lưỡi, mũi: *làm phúc* ***chung****/ phúc chủ, hai* ***chủ*** *tôi (hai chúng tôi)*, hoặc ***chou*** *gai (chông gai),* ***trão*** *lòng (trong lòng)*; âm đầu tắc tròn môi: *quan viên (quan viên), nhưng* ***cuân*** *chầu (quân chầu),* ***cuyển*** *(quyển)*... Không gặp cách dùng chữ *bê ta* để ghi phụ âm hai môi, phụ âm môi răng [V] được ghi khá ổn định: *vuối (với), vì (vì), vào (vào)*... Các tổ hợp phụ âm đầu âm tiết còn được dùng khá nhiều: *quan* ***blớn*** *(quan lớn), Đức chúa* ***Blời*** *(trời),* ***mlọn*** *(trọn),* ***mlời*** *(lời)*... Không gặp tổ hợp *tl*, phụ âm tắc, quặt lưỡi xuất hiện khá đều: ***trẩy*** *vào, quan* ***trấn*** *nam, ở* ***trão*** *(trong) làng,* ***trou*** *(trống)*, cách ghi chưa ổn định: **sẵ** *láng (sáng láng) hơn, càng sáng láng (càng sáng láng)* trong cùng trang 267.

Sự khác nhau về cách ghi chữ quốc ngữ vào giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XVII đến cả thế kỉ XIX là điều

ta có thể hiểu được. *Từ điển Việt - Bồ - La* (1651) tuy đã thể hiện việc điển chế hóa, nhưng không nêu vấn đề chuẩn tắc (standard) cách ghi, cách viết chữ quốc ngữ. Và vị tất đã cần, đã có thể đặt ra vấn đề chuẩn tắc ở mốc khởi đầu ấy. Tác giả của những văn bản trong giai đoạn này hầu hết (nếu không phải là tất cả) đều thuộc hàng giáo phẩm. Với sự hiểu biết về tiếng và chữ Latin, họ kết hợp cảm thức bản ngữ của mình với sự biến đổi của tiếng Việt theo thời gian, nếu ở tác giả này hay tác giả khác có một vài sự điều chỉnh nhất định trong cách ghi, cách viết chữ quốc ngữ thì cũng là việc tất yếu. Giai đoạn này chữ quốc ngữ dần dần được sử dụng phổ biến trong các cộng đồng đạo Thiên Chúa.

Có thể xác định đây là mốc thứ hai của quá trình phát triển chữ quốc ngữ. Trong mốc thời gian này, sự ứng dụng vào thực hành tương đối rộng rãi, chữ quốc ngữ có tác dụng một mặt ổn định hóa dần chữ viết và mặt khác đưa lên trang giấy bài viết, cách ghi lời ăn tiếng nói tự nhiên của người dân thường, nhất là trong các văn phẩm của Philiphê Bỉnh - một trong những người Việt Nam đầu tiên dùng chữ quốc ngữ liên tục và có hệ thống mà Thanh Lãng khẳng định là người "có nhiều sáng kiến trong việc kiện toàn chữ quốc ngữ". Khoảng cuối mốc thời gian này lần lượt có các từ điển song ngữ được ấn hành [14]; [3]. Từ điển tường giải đầu tiên bằng chữ quốc ngữ *Đại Nam quấc âm tự vị* cũng được tác giả Hùinh Tịnh Paulus Của công bố vào mốc thời gian này [7]. Trên bìa sách ghi *Phụ đề của tự vị*: "Tham dụng chữ nho có giải nghĩa, có dẫn chứng, mượn 24 chữ cái phương Tây làm chữ bộ", trật tự các mục từ của từ điển được sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái tiếng Việt hiện nay. Đáng chú ý là trong *Tiểu tự* ở đầu sách có câu: "Chữ Nho thì cứ tự điển Khang - Hy, chữ Nôm chọn trong các ca văn hay đã nói trước, cả thảy đều dùng chính Nôm, chính chữ; quốc ngữ Latin thì tùy theo thói quen, giữ cho thiệt tiếng, thiệt vần." (tr.IV). Từ lời ghi nhận của H.T.Paulus Của chúng ta có thể rút ra hai vấn đề có giá trị nhận thức. Một là, trong khi làm công việc điển chế vốn từ của tiếng Việt vào thời kì bản lề giữa hai thế kỉ này, tác giả rất chú ý đến hình thức văn tự (chữ Nho, chữ Nôm, chữ quốc ngữ Latin). Hai là, vào giai đoạn này, hình thức viết chữ "quốc ngữ Latin thì tùy theo thói quen, giữ cho thiệt tiếng, thiệt vần". Hẳn đây cũng là cách làm của hai tác giả từ điển song ngữ trong đó tiếng Việt qua hình thức chữ quốc ngữ (CQN) là một vế đối chiếu. Có thể xem ý kiến của H.T. Paulus Của là ý tưởng đầu tiên liên quan đến chuẩn đối với CQN trong giai đoạn bản lề giữa mốc thời gian CQN được dùng chủ yếu trong giới giáo sĩ và giáo hữu thuộc cộng đồng đạo Thiên Chúa và khi CQN bước vào giai đoạn ứng dụng dần dần rộng lớn hơn trong môi trường xã hội.

2.3. Về CQN trong giai đoạn bắt đầu từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, John de Francis có phần đúng khi nhận xét: ở giai đoạn này khi nói đến CQN không thể không nói đến ảnh hưởng về chính sách ngôn ngữ của chế độ thuộc địa Pháp (John de Francis, 1977, tr.69-219). Phần quan trọng khác cần được nêu bật là chính sách ấy được áp dụng tại một quốc gia đã

có truyền thống văn hóa lâu đời trong đó thành tố có tác dụng cốt lõi là ngôn ngữ, mà chủ nhân của di sản tinh thần này luôn luôn xem "văn hóa là tâm hồn của dân tộc" như Nguyễn An Ninh đã từng nhấn mạnh từ năm 1923.

Trong quá trình thực hiện chính sách ngôn ngữ, nhà cầm quyền Pháp ở xứ thuộc địa chủ yếu là sử dụng tiếng Việt như công cụ chuyển tiếp để cuối cùng đạt được mục tiêu của họ là "tiêu diệt chữ Nho và thay thế dần dần, ban đầu bằng chữ An Nam, rồi bằng tiếng Pháp như là phương tiện rất chính trị, rất tiện lợi và rất hiệu nghiệm để lập nên tại Bắc Kỳ một nước Pháp nhỏ ở Viễn Đông" như Puginier phát biểu (Dẫn lại theo [11, 436 - 437]).

Ở giai đoạn đó, vấn đề cấu trúc của tiếng Việt, bao gồm hình thức thể hiện của chữ viết, CQN, không phải là tiêu điểm chú ý trong chính sách ngôn ngữ của chế độ thuộc địa. Thực ra ngay đầu thế kỉ XX, từ năm 1902 trong Hội nghị quốc tế về Đông phương học lần thứ nhất họp tại Hà Nội (từ ngày 03 đến ngày 08 tháng 12 năm 1902), *Tiểu ban về dự án cải cách việc ghi âm tiếng An Nam* (La commission de la transcription sur le projet de refome de la transcription de l'annamite) cũng có lần bàn về CQN. Nhưng nội dung báo cáo của Tiểu ban chủ yếu chỉ "bày tỏ mong muốn phúc trình các điều chỉnh hoặc sửa đổi trong hệ thống chữ quốc ngữ" mà không đề cập gì đến phương diện chuẩn chính tả. Báo cáo của tiểu ban này được Hội nghị thảo luận sôi nổi, nhưng cuối cùng nghị quyết của Hội nghị cũng chỉ "ghi nhận lợi ích của việc trình bày theo quan điểm khoa học một bản phiên âm tiếng An Nam đơn giản và hợp lí..." và khuyến cáo Trường Viễn Đông bác cổ... xác định một hệ thống thỏa mãn tất cả các điều kiện mong muốn trên cơ sở Tiểu ban đề nghị". Nhưng kể từ đó đến giữa những năm 30 của thế kỉ XX, chính sách ngôn ngữ của nhà cầm quyền thuộc địa Pháp chuyển sự chú ý về các vấn đề ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam [1a, 24-27] mà không trở lại với điều khuyến cáo từ năm 1902 nữa. Và CQN cứ tiếp tục vận hành trong đời sống xã hội Việt Nam theo "đường đi nhất định" mà những người cầm bút trong các thập niên đầu thế kỉ XX tiếp nhận CQN từ trạng thái được định hình ở mốc thời gian trước đó và hiệu chỉnh dần theo cảm thức tự nhiên. Kết quả là từng bước lái chữ viết mới của tiếng Việt (CQN) hướng theo "con đường đi"[5] hợp với quy luật hoàn thiện chữ viết [15, 104-110].

Trong mốc thời gian này, tiếng Việt, qua hình thức chữ viết Latin, mở rộng phạm vi hành chức đến các lĩnh vực hành chính, giáo dục (dĩ nhiên trong giới hạn khống chế của nhà cầm quyền thuộc địa) và văn chương, báo chí. Thuộc lĩnh vực báo chí có cả các báo về khuynh hướng chính trị đối lập với đường lối thực dân, và từ những năm 30 của thế kỉ XX cũng xuất hiện các báo do Đảng Cộng sản chủ trương.

Ở giai đoạn này, trên báo chí Sài Gòn đã có những ý kiến trao đổi, tranh luận xung quanh việc tinh luyện ngôn ngữ văn hóa dân tộc. Đó là việc phê phán hiện tượng "dùng đầy rẫy chữ Hán", châm biếm lối viết "Kị húy... nói trại lề" làm sai lệch từ ngữ Việt;

cuộc tranh luận giữa những năm 20-30 của thế kỉ XX về *Vấn đề viết chữ quốc ngữ cho đúng, Vấn đề thống nhất tiếng Việt* [1b, 266-273]. Cũng vào giai đoạn này, trên phạm vi toàn quốc, các nhà khoa học đã bắt đầu công việc làm cụ thể và thảo luận trên lí thuyết vấn đề phiên tên riêng nước ngoài, đặt thuật ngữ mới, một lĩnh vực vừa liên quan đến từ vựng, vừa liên quan đến chữ viết. Sự kiện ngôn ngữ này khởi đầu cho một trong những vấn đề cốt lõi của tiếng Việt mà ngày nay chúng ta đang tiếp tục (Lưu Vân Lăng, 1968), trong đó Hoàng Xuân Hãn đã được Hội khuyến học Sài Gòn vinh danh xứng đáng từ 1942. Các sự kiện trên cho thấy trong sinh hoạt ngôn ngữ, từ khi tiếng Việt mở rộng phạm vi hành chức trên nhiều bình diện xã hội, vấn đề chuẩn tắc ngôn ngữ đã bắt đầu được người sử dụng và một bộ phận công chúng quan tâm ở mặt này hay mặt khác.

3. Vấn đề chuẩn chính tả trong hệ thống chuẩn ngôn ngữ

3.1. "Trong các phạm vi của đời sống xã hội, đều có vấn đề chuẩn (norme, standard): chuẩn trong sản xuất, buôn bán, trong văn hóa, trong ngôn ngữ..." [5, 3]. Theo *Từ điển bách khoa Việt Nam* (Tập 1, 1995, tr.528), đó là những chuẩn mực xã hội, "những tiêu chuẩn chung hoặc ý tưởng hướng dẫn mọi người đáp ứng các yêu cầu của xã hội". Trong những chuẩn mực xã hội, vẫn theo Hoàng Tuệ, thì chuẩn mực ngôn ngữ rất quan trọng, vì nó bao quát các phạm vi và khá phức tạp.

Chắc rằng chuẩn mực trong giao tiếp ngôn ngữ theo cách hiểu ngày nay cũng đã từng được những thành viên trong một cộng đồng xã hội chú trọng rất sớm. Chẳng hạn qua con đường truyền ngôn trong tiếng Việt của chúng ta còn lưu giữ được những châm ngôn dặn dò nhau về sự mực thước trong lời ăn tiếng nói:

"Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau".

"Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe" và *"Chim khôn thử tiếng, người ngoan thử lời."*

Trong tiếng Chăm cũng có câu khuyên bảo: "*Panwơc siam Kahu phwơl dhar, Panwơc kak kan dom gauk januk*" nghĩa: "*Lời nói thảo ngay làm nên chính đạo, lời nói ngược ngạo dễ tạo hận thù*".

Trong ngôn ngữ nào hẳn cũng đều có những ý tưởng như vậy về cách ứng xử trong hoạt động ngôn từ dù đang còn ở trạng thái khẩu ngữ.

Khi một cộng đồng người phát triển thành dân tộc quốc gia, các kinh nghiệm chuyển từ di sản khẩu ngữ dần dần phát triển thành chuẩn mực ngôn ngữ có tính pháp quy tùy theo hoàn cảnh hình thành từng ngôn ngữ quốc gia. Trong ngôn ngữ học, vấn đề chuẩn ngôn ngữ là một trong những vấn đề lí thuyết ngôn ngữ học mà các trường phái, khuynh hướng ngôn ngữ học trực tiếp hay gián tiếp đều quan tâm. Hoàng Tuệ, tác giả của chuyên luận về lĩnh vực này đã giới thiệu *Vấn đề chuẩn ngôn ngữ qua lịch sử ngôn ngữ học* từ truyền thống cổ đại (Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp, La Mã) xuyên qua thời trung đại, cận đại ở Châu Âu và Mỹ trong thế kỉ XX. Qua chuyên luận này, tác giả cũng giới thiệu những

quan điểm có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến chuẩn ngôn ngữ của các nhà khoa học lớn trong triết học và ngôn ngữ học như Platon, Aristotle, Marx và Engels; Panini, Humboldt, Saussure, Martinet, Jakobson, Mathesius, Havranek, Bloomfield, Sapir, Whorf, Chomsky... Mỗi trung tâm văn hóa, mỗi thời kì lịch sử, mỗi trường phái, khuynh hướng cũng như mỗi nhà triết học hoặc ngôn ngữ học dựa vào cơ sở lí thuyết của mình, hoàn cảnh lịch sử cụ thể và thực tại ngôn ngữ - đối tượng được tiếp cận khảo sát - để phát biểu quan điểm về chuẩn với tiêu chí và sắc thái riêng. Điều đáng chú ý: ngôn ngữ đối tượng tiếp cận để hình thành quan điểm về chuẩn ngôn ngữ đều là công cụ giao tiếp trong môi trường có hoạt động xã hội rất phong phú, vì thế hoạt động ngôn từ được hiện thực hóa với bức tranh đa phong cách, kể cả qua phong cách ngôn ngữ viết.

3.2. Tiếp thu quan điểm về chuẩn phát triển trong lịch sử một cách khái quát mà không đi sâu vào các chi tiết, ta có thể thấy đã từng có những quan niệm khác nhau về vấn đề này. Chẳng hạn quan niệm chuẩn là những gì có *tính chất quy tắc* (Regularité)[6] mà mọi thành viên thuộc cùng một cộng đồng ngôn ngữ trong hoạt động ngôn từ phải tuân theo. Những gì được cho là có tính chất quy tắc này vốn đúc kết từ *uy tín* (Auctoritas) của các tác giả cổ điển, từ ngôn ngữ của tầng lớp tinh hoa xã hội như những người trong hoàng gia, trong triều đình, trong tầng giới quý tộc tư sản, thị dân ở kinh đô hoặc ở các *Koiné*, là "siêu phương ngữ" được dùng chung ở những địa phương khác nhau do uy tín của Koiné trong quá trình phát triển. Những người theo quan điểm này lấy *giá trị hợp lí* làm tiêu chí và vào thời gian cận đại nó gặp được một quan niệm gần gũi giải thích ngữ pháp của ngôn ngữ theo *lí* (Raison) phổ quát của những người theo quan điểm duy lí trong ngôn ngữ học tồn tại không chỉ ở Pháp qua ngữ pháp Port - Royal mà còn ở những nước châu Âu khác.

Có thể xem đối ứng với quan điểm trên là quan điểm lấy *giá trị thông dụng* (usage) làm tiêu chí để xác định chuẩn ngôn ngữ. Về quan điểm này, hai tác giả Pháp được nhắc đến là Francois de Malherbe (1555-1628) và Claude Favre De Vaugelas (1585-1650). Tán thành quan điểm thông dụng do Malherbe đề xuất song hành cùng với các ý niệm về *thuần khiết* (Pureté), *sáng sủa* (Clarté), Vaugelas đã cụ thể hóa giá trị thông dụng bằng các định ngữ đi kèm làm cho giá trị này sáng rõ và có hệ thống hơn. Ông phân biệt sự *thông dụng sai* (Mauvais Usage), chọn lấy *thông dụng đúng* (Bon Usage) và cho rằng đó phải là *thông dụng đương đại* (Usage actuel), phù hợp với các tác giả đương đại, vì ngôn ngữ luôn luôn biến đổi theo thời đại. Sự phù hợp này là cơ sở của *thông dụng hiển nhiên* (Usage déclaré).

Từ thế kỉ XIX trở đi và mãi cho đến hiện nay vấn đề chuẩn ngôn ngữ từng nơi, từng lúc vẫn còn là vấn đề thời sự trong ngôn ngữ học và có thêm một số ý tưởng mới xuất hiện làm phong phú thêm quan điểm về chuẩn ngôn ngữ. F.de Saussure tuy không bàn riêng về lĩnh vực này, nhưng trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*

khi định nghĩa về ngôn ngữ và đối tượng của ngôn ngữ học ông đã đề cập đến chuẩn (norme). "Bao giờ nó (hiện tượng ngôn ngữ - BKT) cũng bao hàm một hệ thống được xác lập và một sự biến hóa; lúc nào nó cũng là một thiết chế của hiện tại và một sản phẩm của quá khứ... mối quan hệ giữa hai cái này chặt chẽ đến nỗi khó mà tách ra được". Sau đó ông tiếp tục nhấn mạnh: "Phải đứng trên địa bàn của ngôn ngữ và lấy nó làm *chuẩn* cho tất cả các biểu hiện khác của hoạt động ngôn ngữ" (sđd, tr.29-30). Qua đây có thể hiểu, theo F.de Saussure, hoạt động ngôn ngữ phải tuân theo hệ thống đã được xác lập và bao hàm cả sự biến hóa thì đó mới chính là chuẩn của ngôn ngữ.

Phù hợp với yêu cầu sử dụng ngôn ngữ một cách thích hợp với tình huống, trường phái chức năng nêu lên ý tưởng về *khả năng lựa chọn* bên cạnh các quy định bắt buộc qua việc phân biệt ba cấp độ: *hệ thống, chuẩn* và *thông dụng*.

Một số tác giả và trường phái khác còn đóng góp vào lí thuyết về chuẩn các vấn đề như *quan hệ giữa chuẩn và tư duy dân tộc, tính cách dân tộc* (Humboldt, Sapir - Whorf...) *chuẩn* và *văn hóa, xã hội*. Nhóm ngôn ngữ học Praha chú ý nhiều đến mối quan hệ giữa chuẩn và văn hóa ngôn ngữ (jazykova kultura) tức sự phát triển có ý thức - trau dồi ngôn ngữ - ngôn ngữ chuẩn hóa, cũng như sự cần thiết và tính *chất ổn định* (stabibité) của một ngôn ngữ chuẩn hóa, một sự ổn định mềm dẻo. Đây là điều cần thiết của vấn đề chuẩn bởi vì trong một xã hội không ngừng phát triển, sự phát triển của ngôn ngữ chuẩn hóa phải thể hiện trong nhiều chức năng của nó, tức qua các phong cách ngôn ngữ khác nhau.

4.1. Những yêu cầu về chuẩn ngôn ngữ dĩ nhiên liên quan đến tất cả các bậc cũng như các mặt khác nhau trong toàn bộ hệ thống. Gắn trực tiếp hơn với lĩnh vực chữ viết, chính tả là yêu cầu về tính ổn định. Trong lĩnh vực này tác giả *Vấn đề chuẩn ngôn ngữ qua lịch sử ngôn ngữ học* đã có nhiều trang (tr.152-159) thuộc chương cuối giới thiệu về vai trò của lí thuyết ngôn ngữ học, về trực giác ngôn ngữ của các nhà trí thức, về quan điểm chức năng, về yêu cầu thuận với thị hiếu của thời đại theo quan điểm thẩm mĩ, thuận với thực trạng của ngôn ngữ theo quan điểm đồng đại (sđd, tr.154). Đây là những yêu cầu để bảo đảm sự linh hoạt, mềm dẻo về việc xác định chuẩn nói chung, trong đó quan trọng là chuẩn chữ viết, chính tả.

Mối quan hệ giữa ổn định (có tính bắt buộc) và lựa chọn (chấp nhận sự linh hoạt) có cách vận dụng không giống nhau ở các mặt, các bậc khác nhau của ngôn ngữ. Khi một hệ thống ngôn ngữ được điển chế (ghi thành vựng tập, quy tắc ngữ pháp) ở các mặt từ vựng, ngữ pháp vẫn thừa nhận sự mềm dẻo lựa chọn trong giới hạn nhất định để bảo đảm cho ngôn ngữ không ngừng phát triển; nhưng thuộc phạm vi chữ viết, chính tả. sự ổn định là điều bắt buộc, mặc dù về mặt ngữ âm có thay đổi. Vì vậy nên có tình trạng không ăn khớp giữa cách phát âm và chính tả ở một số ngôn ngữ, tuy chữ viết ấy vẫn được xem thuộc loại hình chữ ghi âm (phonetic writing) như chữ Anh, chữ quốc ngữ.

Yêu cầu về tính ổn định của hệ thống chữ viết, của chính tả có khác nhau giữa các ngôn ngữ. Điều đó là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân lịch sử bao gồm cả lịch sử tiếp xúc ngôn ngữ, chính sách ngôn ngữ của từng nước. Thảo luận về tình hình chính tả của tiếng Việt hiện nay, theo tôi chúng ta phải xem xét đến các vấn đề về tính ổn định và về chuẩn chính tả của chữ viết.

4.2. Qua mấy thế kỉ được dùng phổ biến dần và thay thế cho chữ Nôm để ghi tiếng Việt một cách có hiệu quả, chữ quốc ngữ đã đạt tới một cột mốc quan trọng giữa thế kỉ XX qua *Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945*, một văn kiện lịch sử có tính quốc gia và được thế giới thừa nhận. Kể từ đó tất cả các văn bản nhà nước của nước Việt Nam mới Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - đều thể hiện bằng CQN. Một sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng trong sinh hoạt ngôn ngữ của Việt Nam là việc Bộ Giáo dục ra quyết định dùng tiếng Việt trong tất cả các cấp học và các ngành học của nền giáo dục quốc dân[7]. Và như vậy tiếng Việt chính thức trở thành ngôn ngữ quốc gia Việt Nam và CQN về mặt pháp lí mặc nhiên được thừa nhận là chữ viết của ngôn ngữ ấy. Như ở phần 3 trên đây đã giới thiệu, từ lần đầu được định hình trong ấn phẩm vào năm 1651 đến 1945 suốt mấy thế kỉ vừa thông dụng vừa điều chỉnh qua một số mốc thời gian, CQN đến thời điểm này đã tồn tại ở trạng thái ổn định, nên được dùng để viết nên *Tuyên ngôn độc lập*, và chỉ hơn một tháng sau, ngày 4 tháng 10 năm 1945, trong *Lời kêu gọi Chống nạn thất học* gửi Quốc dân Việt Nam, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh viết: "Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí. Chính phủ đã ra hạn trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết CQN. Chính phủ đã lập một Nha Bình dân học vụ để trông nom việc học của dân chúng" (*Hồ Chí Minh toàn tập*, 2000, T.4, tr.36). Nhờ kết quả của đường lối đó, không những nước ta đã tổ chức thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước ngày 6 tháng 1 năm 1946, mà còn xây dựng thành công nền giáo dục quốc dân ngay cả vào thời kì chiến tranh ác liệt trong suốt hai cuộc kháng chiến và đất nước còn bị chia cắt.

4.3. Lần đầu tiên các yêu cầu về chuẩn chính tả được đặt ra cụ thể là khi cần phải "kịp thời thống nhất chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục đang được khẩn trương biên soạn" [12, 18]. Đây là thời điểm đầu những năm 80 của thế kỉ trước, sau thắng lợi của cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Bước sang giai đoạn khôi phục và phát triển, lĩnh vực giáo dục, đào tạo có vai trò lớn. Trong 30 năm kháng chiến, hoạt động giáo dục tại miền Bắc cũng như tại các vùng đô thị và vùng giải phóng miền Nam vẫn tiến triển, mỗi nơi theo hoàn cảnh và điều kiện của mình dựa vào ý nguyện của dân và tâm huyết của các nhà sư phạm - giáo dục chân chính. Trong giai đoạn lịch sử 1/3 thế kỉ đó, nhờ vào tính thống nhất cao của tiếng Việt từ bản chất của toàn hệ thống cũng như chiều hướng phát triển trong quá trình hành chức, nên sau tháng 5 năm 1975 hệ thống giáo dục của hai miền dễ dàng hòa chung vào nhau thành một nền giáo dục Việt Nam hoàn chỉnh như ngày nay.

Tuy nhiên, trong thời gian này khoa học thế giới bắt đầu phát triển mạnh, một loạt thuật ngữ - khái niệm khoa học mới xuất hiện, cần được đưa vào nội dung chương trình đào tạo, không chỉ ở bậc đại học mà cả ở các bậc học phổ thông. Cơ sở giáo dục - đào tạo từng vùng miền phải kịp thời chuyển sang tiếng Việt qua CQN các thuật ngữ ấy. Do hoàn cảnh lịch sử thời chiến tranh chưa có được một trung tâm điều phối chung nên trong cách ghi, cách viết những đơn vị từ vựng mới ấy không giống nhau. Điều này có ảnh hưởng đến sự thống nhất trong chính tả CQN nói chung. Do thực tế đó đã có những cuộc hội thảo tại Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh vào các năm 1979 và 1980 để trao đổi về cách giải quyết thỏa đáng thực trạng trên. Có thể nói, đến hoàn cảnh và thời điểm lịch sử này mới có điều kiện giải quyết vấn đề chuẩn chính tả một cách cơ bản. Dầu vậy, do phải "khẩn trương biên soạn "Sách giáo khoa cải cách giáo dục" nên Bộ Giáo dục và Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam "đã thông qua một số quy định về chính tả (ngày 30 tháng 11 năm 1980) để thực hiện kịp thời trong sách cải cách giáo dục đang được biên soạn" "trong khi chờ đợi thành lập Hội đồng chuẩn hóa tiếng Việt ở cấp nhà nước" (sđd, tr.7-8).

5. Cho đến nay một Hội đồng về chuẩn theo tinh thần đó cũng chưa có. Dầu vậy riêng trong lĩnh vực chính tả, theo các tiêu chí phổ biến, chúng ta vẫn có những chỗ dựa nhất định để nói về chuẩn chính tả.

5.1. Trước tiên là *tiêu chí về tính thông dụng* và *ổn định*. Như ở phần 3 đã phân tích, được điều chỉnh và thích ứng qua các mốc thời gian CQN được thông dụng và ổn định dần vào giữa thế kỉ XX. Đó là CQN được dùng để viết *Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945* - một văn kiện có tính pháp lí đầu tiên của nước Việt Nam mới và từ đó được tiếp tục dùng trong các văn bản nhà nước cũng như trên tất cả các hình thức ngôn ngữ viết khác của tiếng Việt. So sánh những văn bản tiêu biểu vào thời kì đầu của nước Việt Nam mới với một số văn bản, ấn phẩm vào những năm 30-40, tức trước Cách mạng tháng 8-1945, chúng tôi chưa tìm thấy sự khác biệt nào lớn có tính quy tắc về cách viết trên một số văn bản là đối tượng so sánh[8].

5.2. Chỗ dựa tiếp theo là tiêu chí có tính pháp quy. Đó những văn bản được công bố trong sách *Chuẩn hóa chính tả và chuẩn hóa thuật ngữ*, trong đó có mấy văn kiện quan trọng:

1) Quyết định số 2000/ QĐ, ngày 2-5-1982 thành lập Hội đồng xét duyệt nguyên tắc thống nhất cách phiên thuật ngữ trong sách cải cách giáo dục.

2) Quyết định số 2001 QĐ, ngày 25-12-1982 thành lập Hội đồng xét duyệt nguyên tắc chính tả trong sách cải cách giáo dục.

Cả hai quyết định đều do Bộ trưởng Bộ Giáo dục lúc bấy giờ là Nguyễn Thị Bình kí.

3) Quyết nghị của Hội đồng chuẩn hóa chính tả và Hội đồng chuẩn hóa thuật ngữ do Phạm Huy Thông và Nguyễn Cảnh Toàn thay mặt hai Hội đồng cùng kí ngày 1 tháng 7 năm 1983.

4) *Một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục*

do Thứ trưởng Bộ Giáo dục Võ Thuần Nho và Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam Phạm Huy Thông cùng kí, ban hành vào ngày 30 tháng 11 năm 1980. Các quy định này gồm có:

- Nguyên tắc chung

Những quy định cụ thể về: a) Bảng chữ cái; b) Cách viết các âm tiết tiếng Việt, c) Cách viết các đơn vị từ, d) Cách viết tên riêng tiếng Việt; đ) Cách viết tên riêng không phải tiếng Việt; e) Một số vấn đề khác (dấu nối liên danh; về cách phiên thuật ngữ nước ngoài ra tiếng Việt)

Một số điểm lưu ý khi thực hiện.

5.3. Đến nay sau các văn bản có tính pháp quy được ban hành sớm nhất trên đây, tiếp theo còn có *Quy định tạm thời về viết hoa tên riêng trong sách giáo khoa* ban hành kèm theo quyết định số 07/2003/QĐ-BGDĐT ngày 13-3-2003 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài ra còn có những văn bản khác liên quan đến vấn đề cách viết cũng do một số cơ quan nhà nước cấp bộ hay ngang bộ ban hành. Có lẽ do vậy mà hiệu lực của những quy định được nêu tại những văn bản này thường chỉ có giới hạn nhất định.

6.1. Trước thực trạng về cách viết CQN thiếu thống nhất hiện nay trên sách báo, trên các phương tiện quảng cáo và cá biệt trên một số văn bản chính thức, cần có biện pháp gấp rút chấn chỉnh. Chuẩn hóa chính tả là phần rất quan trọng thuộc nhiệm vụ chuẩn hóa tiếng Việt được đề ra từ cuối thế kỉ trước. Thiết tưởng nhiệm vụ này cần được cấp bách đặt ra trong một *bộ Luật về ngôn ngữ* được Quốc hội ban hành[9].

6.2. Sau khi bộ luật ra đời cần xây dựng một cơ quan chuyên trách theo dõi việc thi hành thật nghiêm túc những quy định đã được luật hóa, bao gồm cả biện pháp chế tài. Cơ quan này có thể thuộc Bộ Văn hóa - Du lịch hay Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, như ở một số nước cơ quan này thuộc Viện Hàn lâm Khoa học.

6.3. Giới ngôn ngữ học Việt Nam dĩ nhiên có trách nhiệm không chỉ tham gia quá trình xây dựng bộ *Luật về ngôn ngữ* mà còn tiếp tục có trách nhiệm góp phần vào việc phổ biến luật, theo dõi việc thi hành luật trong đời sống hàng ngày. Vận dụng kiến thức chuyên môn của mình, giới ngôn ngữ học chắc chắn sẽ đóng góp có hiệu quả vào hoạt động giáo dục ngôn ngữ không chỉ trong phạm vi nhà trường mà còn mở rộng ra toàn xã hội. Hoạt động đó sẽ làm cho mọi người Việt Nam đều quý trọng tiếng nói dân tộc, có ý thức về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt qua xu thế phát triển tất yếu của nó hiện nay, cả trong lời ăn tiếng nói hàng ngày lẫn trong bài viết, câu văn.

Trong khi tham gia hoạt động này, thiết nghĩ các nhà ngôn ngữ học với tư cách là thành viên của Ban, không chỉ cần có điều kiện và thời gian tham khảo kinh nghiệm của nhiều nước mà còn cần phải xem xét và tiếp thu các văn bản có tính pháp quy đã ban hành từ trước đến nay về lĩnh vực này.

CHÚ THÍCH

[1] Trong các nghiên cứu trước đây thường không nhất quán về cách viết, có chỗ viết hoa chữ Q (Quốc ngữ), có chỗ viết q thường (quốc ngữ). Trong bài

viết này tôi tạm dùng cách viết quốc ngữ như trong *Lời kêu gọi Chống nạn thất học*.

[2] Thư của F.de Pina nhiều lần nhắc đến các tên gọi Cachão, Cacham. Cách viết ghi dưới là Kẻ Chàm. Chúa Nguyễn Sãi Vương đặt phủ hành chính thứ hai tại Phước Kiều. Mỗi năm Chúa về đây vài lần với tư cách là tổng đốc Quảng Nam. Nơi này thuộc xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, Quảng Nam. Việc chọn một chỗ xa xôi như vậy làm trung tâm hành chánh và trí thức vì nhiều lí do an ninh (R.Jacques, tr.26. Dẫn lại theo Nguyễn Đình Đầu).

[3] Các trích dẫn và cả ghi chú trong bài viết này có nguồn từ tác phẩm của Roland Jacques từ đây sẽ được ghi vắn tắt là R. Jacques và số trang).

[4] Theo Thanh Lãng (1968, trang XVIII) *Sách sổ sang chép các việc* được khởi công viết có lẽ vào những năm cuối thế kỉ XVIII và năm 1922 chỉ là năm hoàn tất chứ không phải chỉ được thực hiện trong năm 1822.

[5] Ở chương cuối *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* (F.de Saussure) viết: "Trong khi thừa nhận rằng Schleicher đã hành hung sự thực khi quan niệm ngôn ngữ như một vật hữu cơ mang sẵn quy luật biến hóa của mình, chúng ta vô hình trung vẫn tiếp tục muốn coi nó như một vật hữu cơ theo một hướng khác, khi ta giả định rằng "tinh hoa (le génie - từ tiếng Pháp do F.de Saussure dùng) của một chủng tộc hay một tập đoàn dân tộc có xu hướng luôn luôn lái ngôn ngữ vào một số đường đi nhất định" (F.de saussure, Bản dịch tiếng Việt, 1973 tr.393)

[6] Các thuật ngữ, biểu thức bằng tiếng Việt và các từ ngữ tương đương bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh chứa trong ngoặc mà bài viết này đều do cách dùng của Hoàng Tuệ trong chuyên luận đã dẫn.

[7] Đoạn hồi kí dưới đây của Bộ trưởng Bộ Giáo dục năm 1945, luật sư Vũ Đình Hòe ghi lại bước ngoặt dẫn tới quyết định lịch sử đó. "Một tuần sau ngày Tuyên bố độc lập 2-9-1945, Hồ Chủ tịch tiếp đoàn lãnh đạo Bộ Giáo dục... để bàn vấn đề "dùng tiếng Việt khi học, khi dạy và trong các kì thi". Hồ Chủ tịch hỏi: "Hay đấy, nhưng sợ có vội quá không?". Hai vị giám đốc các nha (Nha Đại học vụ Nguyễn Văn Huyên, Nha Trung học vụ Ngụy Như Kontum) trình bày: "Thưa, ông Hoàng Xuân Hãn, Bộ trưởng trong Chính phủ cũ trước đây đã bắt đầu làm ở Trung Bộ, xem ra cũng khá trơn tru đấy ạ. Vì các nhà khoa học nước ta mấy năm vừa rồi đã có quan tâm đến việc này. Các anh Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Xiển, Nguyễn Duy Thanh, Ngụy Như Kontum. Trong nhóm Tạp chí Khoa học đã soạn xong cuốn "Danh từ khoa học". Chủ tịch Hồ Chí Minh tán thành: "Thế thì Bộ ra quyết định đi".

[8] Các văn bản được chọn so sánh là *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 4 (2000) và Hoàng Xuân Hãn, Q.1, 2003. Trong các tập sách này có những bài viết trước và sau năm 1945. Tuy trong mỗi tập sách cũng có một vài sự điều chỉnh, nhưng không thuộc loại có tính quy tắc. Chẳng hạn từ *cách mạng*, trong sách *Đường Kách mệnh*, chữ ghi âm [K] đầu âm tiết được viết là K-, thì trong *Tuyên ngôn độc lập 2.9.1945* đã được ghi theo cách viết thông dụng là C- -> *Cách Mạng*. Cách viết k vẫn được Hồ Chủ tịch dùng trong những ghi chép riêng, nhưng trong những văn bản công bố chính thức đều được viết theo cách thông dụng là c cách viết của Hoàng Xuân Hãn trong các tác phẩm

công bố những năm trước 1945 đều dùng ngang nối (-) giữa những âm tiết trong từ ghép Hán - Việt hoặc tên riêng như: danh-từ, khoa-học, ám-tả; Đông-Dương; Lê-Thánh-Tông, Trần-Tế-Xương...; sau năm 1945 cách dùng ngang nối như vậy tuy vẫn còn, nhưng ít dần đi.

[9] Một bộ luật về ngôn ngữ ở nước ta đã có một số ý kiến đề cập đến. Chỉ riêng năm 2012 có mấy đề nghị sau đây được nêu: Tháng 3 năm 2012 bài báo *Sự cần thiết về bộ Luật ngôn ngữ trong tình hình giao tiếp ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay* do người viết bài này phát biểu đã được tạp chí Ngôn ngữ và đời sống của Hội ngôn ngữ học Việt Nam công bố vào số 5 (199) 2012.

[10] Ngày 5 tháng 5 năm 2012, báo *Thanh niên*, Số 126 (5978) trích đăng lời phát biểu của GS Nguyễn Minh Thuyết (do Tuyết Mai ghi) cho rằng: "Khi còn là đại biểu Quốc hội, tôi đã đề xuất cần phải có luật ngôn ngữ. Ý tưởng này được đưa ra vì bản thân tôi nhận thấy sự cần thiết của nó. Hơn nữa cố GS. NGND Nguyễn Văn Chiển từng viết thư lên Chủ tịch Quốc hội đề nghị cần phải có luật tiếng Việt. Luật này ra đời nhằm giải quyết các vấn đề như: sử dụng tiếng Việt như thế nào, tiếng dân tộc, ngoại ngữ... ra sao. Về văn tự, sẽ quy định các vấn đề thí dụ như: Ai có quyền sửa đổi chữ viết, bổ sung chữ cái...; hoặc ai có quyền hướng dẫn báo chí, xuất bản phiên âm để sử dụng thống nhất. Quy định rõ ràng và thống nhất như vậy thì sẽ đỡ tình trạng lộn xộn như hiện nay".

Ngày 22 tháng 5 năm 2012, trên báo *Tuổi trẻ* trong chuyên mục *Báo nước tôi* có đăng bài Yên Tùng phỏng vấn đại biểu Quốc hội Dương Trung Quốc với đầu đề "Cần sớm có bộ luật về ngôn ngữ và chữ viết". Mở đầu nội dung phỏng vấn có đoạn nói rõ: "Trước khi Quốc hội khai mạc Kì họp thứ Ba ngày 21 tháng 5, đại biểu Quốc hội Dương Trung Quốc đã gửi thư đến các cơ quan của Quốc hội đề xuất sự cần thiết phải sớm xây dựng một văn bản "Luật về ngôn ngữ và chữ viết".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. a) Bùi Khánh Thế, *Chữ quốc ngữ và sự phát triển chức năng của tiếng Việt*, Trong *Kỉ yếu Hội thảo Chữ quốc ngữ và sự phát triển chức năng xã hội của tiếng Việt*, ĐHQG Tp HCM, 1997, tr.24-47.

b) Bùi Khánh Thế, *Tiếng Việt - tiếng nói thống nhất của dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, ST, 2012.

2. Đặng Thai Mai (Dịch giả), *Văn minh tân học sách*, 1904, (Dịch từ nguyên bản chữ Hán), Trong *Sách Văn thơ yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX* (1900-1930), Nxb Văn học, 1976, tr.631-651.

3. J.F.M. Genibrel, *Dictionnaire Vietnamien - Francais. Deuxième editon*, Nguyên bản: SaiGon: Imprimerie dela Mission à Tân Định, Nxb Khai Trí, 1898.

4. Hoàng Trọng Canh, *Chữ quốc ngữ và vấn đề rèn luyện chính tả ở trường phổ thông hiện nay*, Trong *Kỉ yếu Hội thảo Chữ quốc ngữ và sự phát triển chức năng xã hội của tiếng Việt* ĐHQG Tp.HCM, 1997, tr.102-108.

5. Hoàng Tuệ, *Vấn đề chuẩn ngôn ngữ qua lịch sử ngôn ngữ học*, Nxb GD, H., 1993.

6. Hoàng Tuệ, *Chữ quốc ngữ một cái nhìn xã hội - ngôn ngữ học*, Trong *Kỉ yếu Hội thảo Chữ quốc ngữ và sự*

phát triển chức năng xã hội của tiếng Việt, tr.118-124, ĐHQG Tp. HCM, 1997.

7. Hùịnh Tịnh Pauls Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, 1895, Nguyên bản: Saigon - Imprimerie Rey, Curiob & cie, Nxb Khai Trí, In lại, 1974.

8. Roland Jacques, *Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ học* (cho đến 1650), Nxb KHXH, 2007, dịch và hiệu đính: Viện Ngôn ngữ học.

9. Alexandre de Rhodes, *Từ điển Annam - Lusitan - Latin*, Bản dịch tiếng Việt do Thanh Lãng - Hoàng Xuân Việt - Đỗ Quang Chính thực hiện, Nxb KHXH, 1991.

10. Nguyễn Văn Trung, *Chữ, văn, quốc ngữ thời kì đầu Pháp thuộc*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn, 1974.

11. Nguyễn Xuân Thọ, *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam* (1858 - 1897), 1944.

12. Trung tâm Biên soạn sách cải cách giáo dục và Viện Ngôn ngữ học, *Chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ*, Nxb GD, H., 1983.

13. Đoàn Thiện Thuật (sưu tầm và chủ biên), *Chữ quốc ngữ thế kỉ XVIII*, Nxb GD, H., 2007.

14. J.L.Taberd, *Dictonarium Annamitico Latinum* (*Nam Việt Dương hiệp tự vựng*), Serampore, 1838.

15. L.R.Zinder, *Lí thuyết đại cương về chữ viết*, Tiếng Nga (Otserk obsei theory pis'ma), Nxb Khoa học, Moskva, 1987.

16. *Xây dựng chuẩn mực chính tả thống nhất trong nhà trường và trên các phương tiện truyền thông đại chúng*, Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, Tháng 12, 2012, Trường ĐHKHXH & NV, ĐHQG Tp.HCM, Trường ĐH Sài Gòn, Báo *Thanh niên*.